

Phụ lục số 1

TỔNG HỢP DỰ TOÁN NSNN THỰC HIỆN PHÁP LỆNH ƯU ĐÃI NGƯỜI CÓ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-LĐTBXH ngày /01/2024 của Sở Lao động -Thương binh và Xã hội)

Chương 024

ĐVT: 1000 đ

L	K	NỘI DUNG	BỘ GIAO	KINH PHÍ	VP Số	NCC	Điện Bàn	Hội An
		TỔNG SỐ	1.376.583.057	1.301.038.000	756.000	2.860.000	231.140.000	60.350.000
370		SỰ NGHIỆP ĐẢM BẢO XÃ HỘI	1.318.873.057	1.243.328.000	756.000	2.820.000	219.250.000	57.900.000
	371	CHÍNH SÁCH VÀ HOẠT ĐỘNG PHỤC VỤ NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG	1.318.873.057	1.243.328.000	756.000	2.820.000	219.250.000	57.900.000
		I. CHI TRẢ CÁC LOẠI TRỢ CẤP, CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI THƯỜNG XUYỀN	1.298.535.851	1.243.328.000	756.000	2.820.000	219.250.000	57.900.000
		1. Chi trả chế độ ưu đãi thường xuyên cho người có công	1.243.328.000	1.243.328.000	756.000	2.820.000	219.250.000	57.900.000
		2. Trang cấp DCCH và phương tiện trợ giúp cho người có công	2.513.000	0				
		3. Chi hỗ trợ chăm sóc y tế; phục hồi sức khỏe tại các cơ sở nuôi dưỡng; thanh toán dịch vụ ngoài Quỹ BHYT và điều dưỡng NCC với cách mạng	52.694.851	0	0	0	0	0
		- Hỗ trợ chăm sóc y tế; phục hồi sức khỏe tại các cơ sở nuôi dưỡng và thanh toán dịch vụ ngoài Quỹ BHYT	1.097.500	0				
		- Điều dưỡng phục hồi sức khỏe	51.597.351	0				
		II. CHI TRẢ TRỢ CẤP MỘT LẦN: Đối với Bà mẹ VNAH, và các đối tượng theo Nghị định Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng CP (đã bao gồm phí quản lý)	916.000	0				
		III. CHI CÔNG VIỆC	19.421.206	-	-	-	-	-
		1. Hỗ trợ phục vụ công tác điều dưỡng tập trung	3.219.000	-				
		3. Chi hỗ trợ hoạt động các cơ sở nuôi dưỡng thương binh và điều dưỡng NCC người có công	1.826.000	-	-	-	-	-
		- Hỗ trợ phục vụ công tác nuôi dưỡng người có công	366.000	-				
		- Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác nuôi dưỡng, điều dưỡng NCC	990.000	-				
		- Hỗ trợ cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì cơ sở vật chất phục vụ nuôi dưỡng, điều dưỡng NCC	470.000	-				
		4. Chi công tác Mộ và Nghĩa trang liệt sỹ		-				
		5. Chi cho công tác quản lý	14.376.206	-	-	-	-	-
		- Kinh phí chi công tác quản lý theo tỷ lệ	14.376.206	-	-	-	-	-
130		SỰ NGHIỆP Y TẾ	57.710.000	57.710.000	-	40.000	11.890.000	2.450.000
	133	HỖ TRỢ KINH PHÍ MUA THẺ BẢO HIỂM Y TẾ CHO ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI CÓ CÔNG	57.710.000	57.710.000		40.000	11.890.000	2.450.000

Phụ lục số 1

TỔNG HỢP DỰ TOÁN NSNN THỰC HIỆN PHÁP LỆNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-LĐTBXH ngày /01/2024

Chương 024

L	K	NỘI DUNG	Tam Kỳ	Nông Sơn	Quế Sơn	Núi Thành	Thăng Bình	Đại Lộc
		TỔNG SỐ	77.850.000	18.650.000	159.350.000	60.450.000	115.790.000	99.700.000
370		SỰ NGHIỆP ĐẢM BẢO XÃ HỘI	75.300.000	17.900.000	153.000.000	57.400.000	109.200.000	94.450.000
	371	CHÍNH SÁCH VÀ HOẠT ĐỘNG PHỤC VỤ NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG	75.300.000	17.900.000	153.000.000	57.400.000	109.200.000	94.450.000
		I. CHI TRẢ CÁC LOẠI TRỢ CẤP, CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI THƯỜNG XUYỀN	75.300.000	17.900.000	153.000.000	57.400.000	109.200.000	94.450.000
		1. Chi trả chế độ ưu đãi thường xuyên cho người có công	75.300.000	17.900.000	153.000.000	57.400.000	109.200.000	94.450.000
		2. Trang cấp DCCH và phương tiện trợ giúp cho người có công						
		3. Chi hỗ trợ chăm sóc y tế; phục hồi sức khỏe tại các cơ sở nuôi dưỡng; thanh toán dịch vụ ngoài Quỹ BHYT và điều dưỡng NCC với cách mạng	0	0	0	0	0	0
		- Hỗ trợ chăm sóc y tế; phục hồi sức khỏe tại các cơ sở nuôi dưỡng và thanh toán dịch vụ ngoài Quỹ BHYT						
		- Điều dưỡng phục hồi sức khỏe						
		II. CHI TRẢ TRỢ CẤP MỘT LẦN: Đối với Bà mẹ VNAH, và các đối tượng theo Nghị định Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng CP (đã bao gồm phí quản lý)						
		III. CHI CÔNG VIỆC	-	-	-	-	-	-
		1. Hỗ trợ phục vụ công tác điều dưỡng tập trung						
		3. Chi hỗ trợ hoạt động các cơ sở nuôi dưỡng thương binh và điều dưỡng NCC người có công	-	-	-	-	-	-
		- Hỗ trợ phục vụ công tác nuôi dưỡng người có công						
		- Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác nuôi dưỡng, điều dưỡng NCC						
		- Hỗ trợ cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì cơ sở vật chất phục vụ nuôi dưỡng, điều dưỡng NCC						
		4. Chi công tác Mộ và Nghĩa trang liệt sỹ						
		5. Chi cho công tác quản lý	-	-	-	-	-	-
		- Kinh phí chi công tác quản lý theo tỷ lệ	-	-	-	-	-	-
130		SỰ NGHIỆP Y TẾ	2.550.000	750.000	6.350.000	3.050.000	6.590.000	5.250.000
	133	HỖ TRỢ KINH PHÍ MUA THẺ BẢO HIỂM Y TẾ CHO ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI CÓ CÔNG	2.550.000	750.000	6.350.000	3.050.000	6.590.000	5.250.000

Phụ lục số 1

TỔNG HỢP DỰ TOÁN NSNN THỰC HIỆN PHÁP LỆNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-LĐTBXH ngày /01/2024

Chương 024

L	K	NỘI DUNG	Tiền Phước	Bắc Trà My	Đông Giang	Nam Giang	Phước Sơn	Hiệp Đức
		TỔNG SỐ	44.050.000	63.275.000	44.080.000	21.645.000	10.567.000	32.115.000
370		SỰ NGHIỆP ĐẢM BẢO XÃ HỘI	42.000.000	61.600.000	42.900.000	21.120.000	10.152.000	30.700.000
	371	CHÍNH SÁCH VÀ HOẠT ĐỘNG PHỤC VỤ NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG	42.000.000	61.600.000	42.900.000	21.120.000	10.152.000	30.700.000
		I. CHI TRẢ CÁC LOẠI TRỢ CẤP, CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI THƯỜNG XUYỀN	42.000.000	61.600.000	42.900.000	21.120.000	10.152.000	30.700.000
		1. Chi trả chế độ ưu đãi thường xuyên cho người có công	42.000.000	61.600.000	42.900.000	21.120.000	10.152.000	30.700.000
		2. Trang cấp DCCH và phương tiện trợ giúp cho người có công						
		3. Chi hỗ trợ chăm sóc y tế; phục hồi sức khỏe tại các cơ sở nuôi dưỡng; thanh toán dịch vụ ngoài Quỹ BHYT và điều dưỡng NCC với cách mạng	0	0	0	0	0	0
		- Hỗ trợ chăm sóc y tế; phục hồi sức khỏe tại các cơ sở nuôi dưỡng và thanh toán dịch vụ ngoài Quỹ BHYT						
		- Điều dưỡng phục hồi sức khỏe						
		II. CHI TRẢ TRỢ CẤP MỘT LẦN: Đối với Bà mẹ VNAH, và các đối tượng theo Nghị định Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng CP (đã bao gồm phí quản lý)						
		III. CHI CÔNG VIỆC	-	-	-	-	-	-
		1. Hỗ trợ phục vụ công tác điều dưỡng tập trung						
		3. Chi hỗ trợ hoạt động các cơ sở nuôi dưỡng thương binh và điều dưỡng NCC người có công	-	-	-	-	-	-
		- Hỗ trợ phục vụ công tác nuôi dưỡng người có công						
		- Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác nuôi dưỡng, điều dưỡng NCC						
		- Hỗ trợ cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì cơ sở vật chất phục vụ nuôi dưỡng, điều dưỡng NCC						
		4. Chi công tác Mộ và Nghĩa trang liệt sỹ						
		5. Chi cho công tác quản lý	-	-	-	-	-	-
		- Kinh phí chi công tác quản lý theo tỷ lệ	-	-	-	-	-	-
130		SỰ NGHIỆP Y TẾ	2.050.000	1.675.000	1.180.000	525.000	415.000	1.415.000
	133	HỖ TRỢ KINH PHÍ MUA THẺ BẢO HIỂM Y TẾ CHO ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI CÓ CÔNG	2.050.000	1.675.000	1.180.000	525.000	415.000	1.415.000

Phụ lục số 1

TỔNG HỢP DỰ TOÁN NSNN THỰC HIỆN PHÁP LỆNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-LĐTBXH ngày /01/2024

Chương 024

L	K	NỘI DUNG	Duy Xuyên	Nam Trà My	Tây Giang	Phú Ninh	Dự toán còn lại
		TỔNG SỐ	126.215.000	10.395.000	51.355.000	70.445.000	75.545.057
370		SỰ NGHIỆP ĐẢM BẢO XÃ HỘI	120.000.000	10.200.000	50.180.000	66.500.000	75.545.057
	371	CHÍNH SÁCH VÀ HOẠT ĐỘNG PHỤC VỤ NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG	120.000.000	10.200.000	50.180.000	66.500.000	75.545.057
		I. CHI TRẢ CÁC LOẠI TRỢ CẤP, CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI THƯỜNG XUYỀN	120.000.000	10.200.000	50.180.000	66.500.000	55.207.851
		1. Chi trả chế độ ưu đãi thường xuyên cho người có công	120.000.000	10.200.000	50.180.000	66.500.000	0
		2. Trang cấp DCCH và phương tiện trợ giúp cho người có công					2.513.000
		3. Chi hỗ trợ chăm sóc y tế; phục hồi sức khỏe tại các cơ sở nuôi dưỡng; thanh toán dịch vụ ngoài Quỹ BHYT và điều dưỡng NCC với cách mạng	0	0	0	0	52.694.851
		- Hỗ trợ chăm sóc y tế; phục hồi sức khỏe tại các cơ sở nuôi dưỡng và thanh toán dịch vụ ngoài Quỹ BHYT					1.097.500
		- Điều dưỡng phục hồi sức khỏe					51.597.351
		II. CHI TRẢ TRỢ CẤP MỘT LẦN: Đối với Bà mẹ VNAH, và các đối tượng theo Nghị định Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng CP (đã bao gồm phí quản lý)					916.000
		III. CHI CÔNG VIỆC	-	-	-	-	19.421.206
		1. Hỗ trợ phục vụ công tác điều dưỡng tập trung					3.219.000
		3. Chi hỗ trợ hoạt động các cơ sở nuôi dưỡng thương binh và điều dưỡng NCC người có công	-	-	-	-	1.826.000
		- Hỗ trợ phục vụ công tác nuôi dưỡng người có công					366.000
		- Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác nuôi dưỡng, điều dưỡng NCC					990.000
		- Hỗ trợ cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì cơ sở vật chất phục vụ nuôi dưỡng, điều dưỡng NCC					470.000
		4. Chi công tác Mộ và Nghĩa trang liệt sỹ					-
		5. Chi cho công tác quản lý	-	-	-	-	14.376.206
		- Kinh phí chi công tác quản lý theo tỷ lệ	-	-	-	-	14.376.206
130		SỰ NGHIỆP Y TẾ	6.215.000	195.000	1.175.000	3.945.000	-
	133	HỖ TRỢ KINH PHÍ MUA THẺ BẢO HIỂM Y TẾ CHO ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI CÓ CÔNG	6.215.000	195.000	1.175.000	3.945.000	-